

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MIỀN BẮC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MIỀN BẮC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110088014

**3. Ngày thành lập:** 11/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngõ 148 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915169690

Fax:

Email: [thuongmaimienbac@gmail.com](mailto:thuongmaimienbac@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Mua bán trang thiết bị y tế.                                                                            | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                             | 4663(Chính) |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe taxi                                                    | 4931        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Vận tải khách du lịch bằng xe ô tô. | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                           | 4933        |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                         | 5210        |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                          | 3312        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                             | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                        | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                 | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                     | 4292        |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                               | 4293        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                          | 4299        |
| 23. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn; rà phá bom mìn)                                                                                                                                    | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn; rà phá bom mìn)                                                                                                                         | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                               | 4321        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4741        |
| 27. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4742        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4752        |
| 29. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4753        |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4759        |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc;<br>- Mua bán trang thiết bị y tế.                        | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>ANH MINH | Số 2, ngõ 148 Phố<br>Hoàng Ngân,<br>Phường Trung<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 405.000       | 4.050.000.000            | 45,000       | 0010740436<br>34                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Tổng số                            | 405.000       | 4.050.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ THỊ THE         | Số 2, ngõ 148 Phố<br>Hoàng Ngân,<br>Phường Trung<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 270.000       | 2.700.000.000            | 30,000       | 0331900024<br>85                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          | Tổng số                            | 270.000       | 2.700.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                          |                                    |         |               |        |           |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | PHÙNG<br>ĐĂNG BẢN | Số 2, ngõ 148 Phố<br>Hoàng Ngân,<br>Phường Trung<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 225.000 | 2.250.000.000 | 25,000 | 125007139 |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                                          | Tổng số                            | 225.000 | 2.250.000.000 | 25,000 |           |
|   |                   |                                                                                                          |                                    |         |               |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THE

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033190002485

Ngày cấp: 09/04/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: ChCC 306B, Nhà 21 TT Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 2, ngõ 148 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội